TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG KHÁNH** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/ 3/2019.
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thủy và ông Nguyễn Trường Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh.

- Đại diện VKSND thị xã Long Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2018/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1971.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1964.

Cùng trú tại: số z, đường số 2, ấp BS, xã Bàu Sen, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại Tòa nguyên đơn bà Y trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Phúc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1989, và Nguyễn Thị Tiết L, sinh năm 1992. Các con chung đã trưởng thành.

Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Ông T thường uống rượu say, dùng những lời lẽ xúc phạm và cho rằng tôi không chung thủy, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm rồi, nhưng do con cái còn nhỏ, tôi cố gắng chịu đựng để gia đình êm ấm, nhưng đến nay tình hình vẫn không thay đổi. Nay các con đã lớn, có công việc ổn định và tôi không thể tiếp tục chung sống

với ông T được nữa vì tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chúng tôi đã sống ly thân nhau, do đó tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về con chung: Các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có .

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung như đúng như bà Y đã trình bày, về mâu thuẫn gia đình tôi thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng tôi có xảy ra mâu thuẫn cãi vã, chủ yếu là trong việc làm kinh tế gia đình, chứ tôi không thường uống rượu về xúc phạm bà Y, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà Y yêu cầu ly hôn tôi cũng đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung, vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

-Về tố tụng: Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự Tòa án đã xác định đúng, trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, ban hành, tống đạt các văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng quy định. Tại tòa Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, vụ kiện đảm bảo thời hạn xét xử.

- Về nội dung: Bà Y và ông T chung sống với nhau từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, đến nay mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000, của Quốc hội; Điều 14, 53- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án không công nhận bà Y và ông T là vợ chồng. Về con chung đã thành niên nên không giải quyết, tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có. Bà Y phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và tố tụng: Bà Y có đơn xin ly hôn với ông T và cả hai đều cư trú tại thị xã Long Khánh. Căn cứ Điều 28, Điều 35- Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thị xã Long Khánh. Ông T có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về yêu cầu của đương sự: Ông T và bà Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn, Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo cả hai là mâu thuẫn, cãi vã về vấn đề tiền bạc, tài sản, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp. Xét thấy mâu thuẫn này đã trầm trọng, vì vợ chồng không còn yêu thương nhau, không quan tâm và tôn trọng nhau. Như vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên do ông T

và bà Y không đăng kết hôn do đó, Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT và Điều 14; Điều 53- Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận ông T và bà Y là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Các con chung của bà Y và ông T đã thành niên nên Tòa án không giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 53- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 18/01/2001; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Phúc T và bà Nguyễn Thị Y là vợ chồng.

2. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí DSST về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Khánh theo biên lai thu số 009328 ngày 20/12/2018 sang nộp án phí. Bà Ý đã nộp đủ án phí.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đ/s;
- TAND tỉnh;
- VKS thị xã;
- THADS thị xã;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Xuân Phong